

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Lê Chi;

2. Bà Ngô Thị Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:

72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu P, sinh năm 1996; thường trú: Số E, đường M - T, khu phố D, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Như H, sinh năm 1980; thường trú: Số E, đường M - T, khu phố D, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thu P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị P và anh H tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 224/2018 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số E đường M - T, khu phố D, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, thậm chí có lúc xảy ra bạo lực gia đình, hiện tại hai vợ chồng sống ly thân. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay, chị Nguyễn Thu P xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Như H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng 01 con chung tên Trần Thị Vân A, sinh ngày 17/02/2018. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Như H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2025, bị đơn anh [Trần Như H](#) trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị [Nguyễn Thu P](#) có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D \(nay là thành phố D\), tỉnh Bình Dương](#) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 224/2018 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại địa chỉ [số E, đường M - T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương](#). Trong quá trình chung sống thì do tôi bị bệnh trầm cảm nên có đánh vợ con, lúc trước có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng hiện tại đã chấm dứt, hiện hai vợ chồng sống ly thân.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên [Trần Thi Vân A](#), sinh ngày 17/02/2018, anh [H](#) không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị [P](#) và anh [H](#), chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị [Nguyễn Thu P](#) và anh [Trần Như H](#) trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chị [P](#) không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ, cũng không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị [Nguyễn Thu P](#) khởi kiện anh [Trần Như H](#) yêu cầu được ly hôn, anh [H](#) hiện đang trú tại [số E đường M - T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương](#). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn anh [Trần Như H](#) được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, nguyên đơn chị [P](#) có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị [P](#) và anh [H](#) theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018, chị [Nguyễn Thu P](#) và anh [Trần Như H](#) tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D \(nay là thành phố D\), tỉnh Bình Dương](#) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 224/2018 cấp ngày 17/9/2018 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn chị [P](#) xác định mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, có lúc dẫn đến bạo lực gia đình, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, ngột ngạt không thể hòa thuận với nhau, hiện vợ chồng sống ly thân, điều này phù hợp với lời khai của anh [H](#) là có lúc có đánh vợ con, có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng đã chấm dứt đồng thời đây là lần thứ hai chị [P](#) nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh [H](#). Vì vậy, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị [P](#) và anh [H](#) đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị [Nguyễn Thu P](#) yêu cầu được ly hôn với anh [Trần Như H](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị [Nguyễn Thu P](#) và anh [Trần Như H](#) có 01 con chung tên [Trần Thị Vân A](#), sinh ngày 17/02/2018. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy cháu [A](#) là nữ và hiện đang sinh sống với mẹ, cháu [A](#) mong muốn được sinh sống cùng mẹ, chị [P](#) có công ăn việc làm và có thu nhập ổn định. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn chị [Nguyễn Thu P](#) nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị [Nguyễn Thu P](#) không yêu cầu anh [Trần Như H](#) phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị [P](#) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị [Nguyễn Thu P](#) phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Nguyễn Thu P](#) đối với bị đơn anh [Trần Như H](#) về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thu P](#) được ly hôn với anh [Trần Như H](#) (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 224/2018 do [Ủy ban nhân dân phường T](#), [thị xã D \(nay là thành phố D\)](#), tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/9/2018).

Về con chung: Anh [Trần Như H](#) giao con chung tên [Trần Thị Vân A](#), sinh ngày 17/02/2018 cho chị [Nguyễn Thu P](#) trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị [Nguyễn Thu P](#) không yêu cầu anh [Trần Như H](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị [Nguyễn Thu P](#) và anh [Trần Như H](#) có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị [P](#) phải tạo điều kiện cho anh [H](#) trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai

bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Nguyễn Thu P](#) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007741 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.